



A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK

Báo cáo tài chính đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BẠC LIÊU

*Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc vào ngày 30/06/2012
đã được soát xét*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	6 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31

2020
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy sản Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu là doanh nghiệp được cổ phần từ Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu. Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6003000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu, cấp ngày 20 tháng 07 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm, đồ uống;
- Khai thác thủy sản nội địa; Nuôi trồng thủy sản biển & nội địa
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỉ đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ số 89, quốc lộ 1A, Ấp 2, thị trấn giá Rai, tỉnh Giá Rai.

Đơn vị trực thuộc

Chi nhánh

- Chi nhánh tại Khánh Hòa
- Chi nhánh tại Gành Hào

Địa chỉ

Lô A9, Khu công nghiệp Suối Dầu, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
Ấp 3, TT. Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

Công ty con (tỉ lệ vốn góp 100%)

- Công ty TNHH Khang Phú

Địa chỉ

34 Nguyễn Du, F.9, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 1.437.702.923 VND (Lợi nhuận sau thuế cho 06 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 2.553.485.346 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 là 8.701.492.239 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2012 là 7.594.278.351 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Thu Hương	Chủ tịch
Ông :	Hideaki Abe	Thành viên
Ông :	Nguyễn Phạm Như Hải	Thành viên
Ông :	Tô Huy Phong	Thành viên
Ông :	Nguyễn Thanh Đạm	Thành viên

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông :	Lê Văn Tuấn	Trưởng ban
Ông :	Trần Quang Chiến	Thành viên
Ông :	Tăng Hiếu Nghĩa	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông :	Nguyễn Thanh Đạm	Tổng Giám đốc
Ông :	Tô Huy Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Phạm Như Hồ	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trương Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Đoàn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Chí Nam	Kế Toán Trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

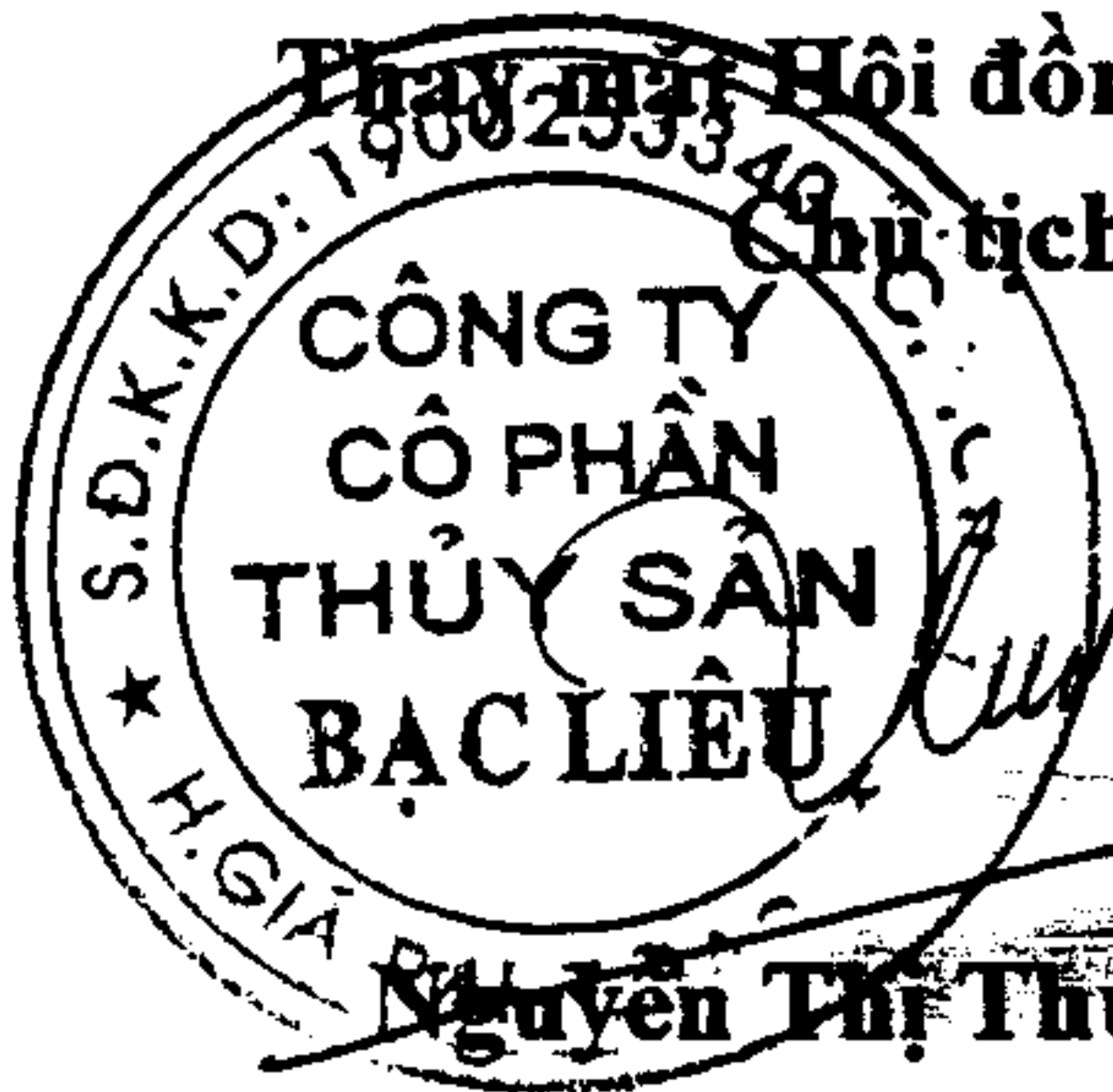
Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu phê duyệt Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty.

Lập, Ngày 11 tháng 9 năm 2012

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Nguyễn Thị Thu Hương

Lập, Ngày 11 tháng 9 năm 2012

TM. Ban Giám Đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Đạm

S.Đ.K.K.

Số: 574/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu***Kính gửi:**
- Hội đồng Quản trị và cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu được lập ngày 11 tháng 9 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

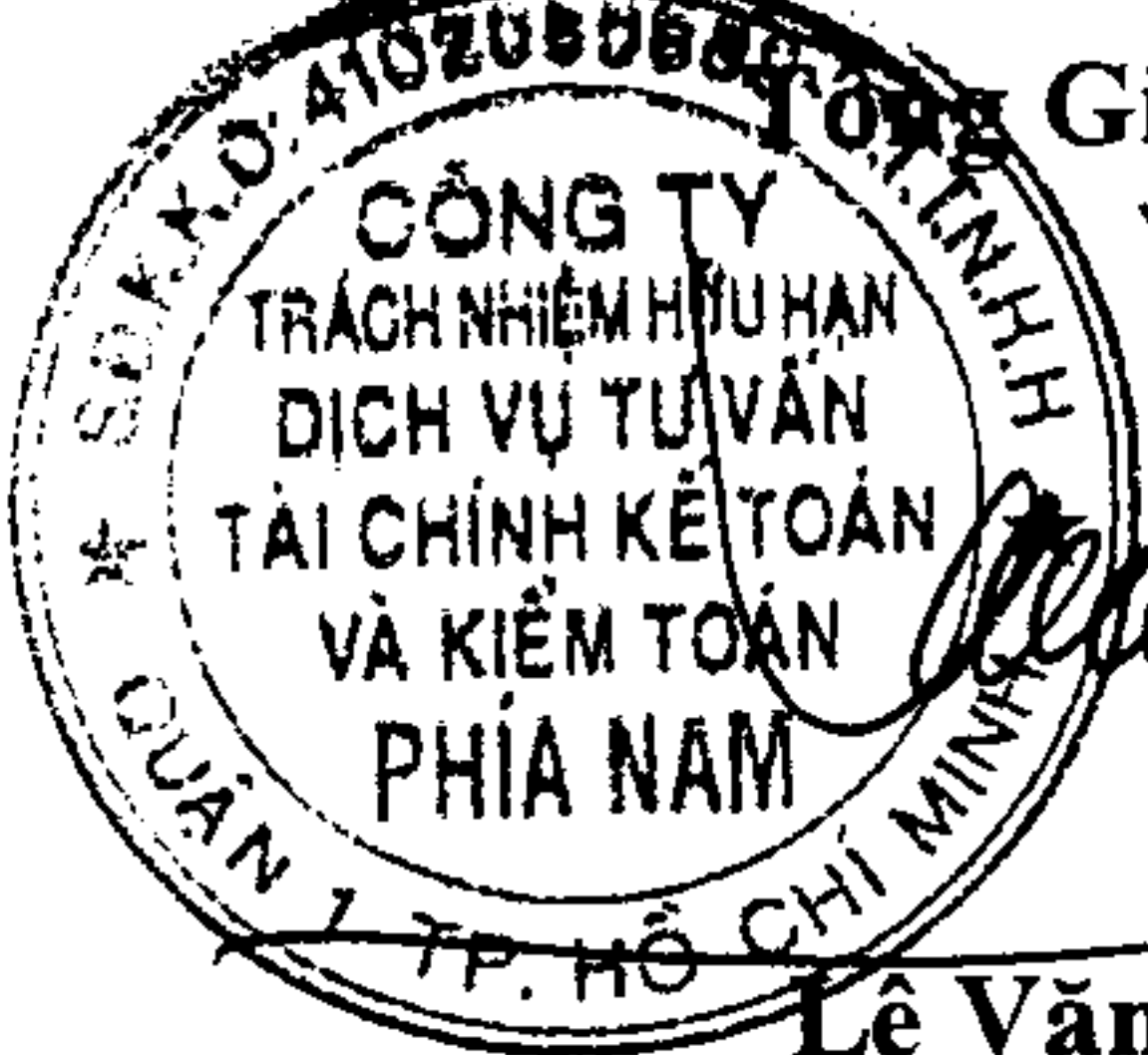
Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả kinh doanh, cũng như lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

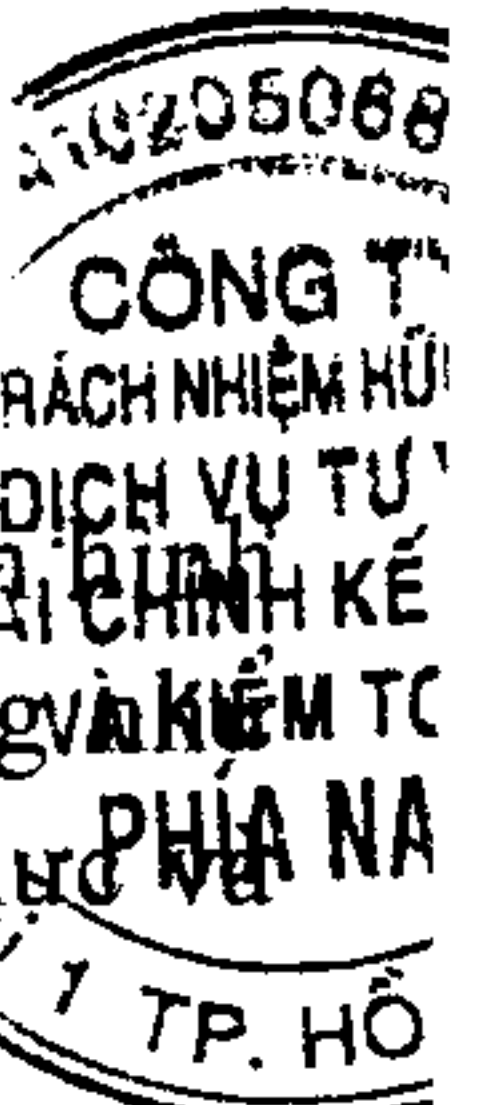
Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**Kế toán và Kiểm toán Phía nam****Tổng Giám đốc****Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ.0064/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		289.612.021.815	290.138.254.316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.289.833.655	18.617.172.484
1. Tiền	111	1	1.289.833.655	18.617.172.484
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.130.177.296	3.110.177.296
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	3.130.177.296	3.110.177.296
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.646.037.208	34.101.484.814
1. Phải thu khách hàng	131		15.791.223.217	21.964.473.051
2. Trả trước cho người bán	132		18.327.796.708	15.878.587.402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	3	3.690.519.843	5.421.926.921
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(9.163.502.560)	(9.163.502.560)
IV. Hàng tồn kho	140		239.733.447.361	215.113.624.469
1. Hàng tồn kho	141	4	240.008.836.534	215.389.013.642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(275.389.173)	(275.389.173)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	16.812.526.295	19.195.795.253
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.958.910.392	2.182.215.537
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.220.835.531	11.265.289.423
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154			369.841.898
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.632.780.372	5.378.448.395
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		129.246.373.916	133.210.677.837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		258.350.400	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		258.350.400	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		122.978.393.799	126.058.470.399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.1	110.990.160.987	115.862.909.940
- Nguyên giá	222		176.665.649.083	173.301.163.115
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.675.488.096)	(57.438.253.175)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.2	7.204.578.036	7.352.859.096
- Nguyên giá	228		8.443.171.217	8.443.171.217
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.238.593.181)	(1.090.312.121)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.3	4.783.654.776	2.842.701.363
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.702.272.727	3.702.272.727
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.702.272.727	3.702.272.727
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.307.356.990	3.449.934.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	2.307.356.990	3.191.584.311
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
	268			258.350.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		418.858.395.731	423.348.932.153

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2012	01/01/2012
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		337.748.299.086	343.526.050.710
I. Nợ ngắn hạn	310		316.997.820.525	323.419.638.149
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	232.989.796.823	260.682.760.606
2. Phải trả người bán	312		54.672.469.750	39.342.114.302
3. Người mua trả tiền trước	313		8.159.946.352	7.543.362.419
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	16.218.557.889	12.020.124.233
5. Phải trả công nhân viên	315		3.188.088.914	3.939.853.872
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	3.420.926.849	740.972.769
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(1.651.966.052)	(849.550.052)
II. Nợ dài hạn	330		20.750.478.561	20.106.412.561
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	11	20.734.842.000	20.094.342.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.636.561	12.070.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		81.110.096.644	79.822.881.443
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	81.110.096.644	79.822.881.443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.915.800.000	21.915.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		29.112.435	(150.888.878)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		463.691.970	463.691.970
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.701.492.239	7.594.278.351
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		418.858.395.731	423.348.932.153

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		22.202,99	26.854,83
- EUR		397,61	403,03
- JPY		38.480,00	39.106,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, Ngày 11 tháng 9 năm 2012

Người lập biểu

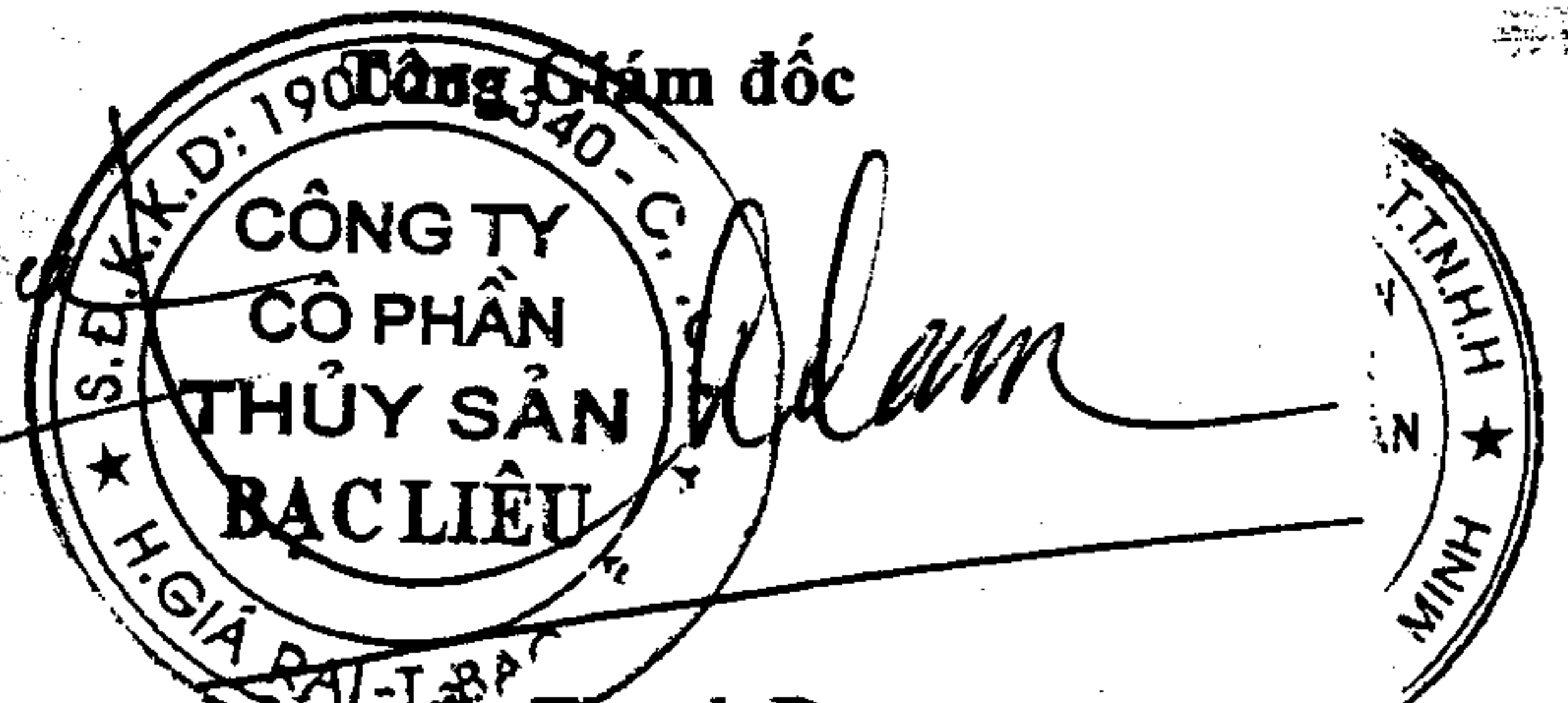
Nguyễn Chánh Long
 Nguyễn Chánh Long

Kế Toán Trưởng

Trần Chí Nam

Đông Giám đốc

Nguyễn Thanh Đạm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.1	129.038.507.144	166.162.998.117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		20.089.856	150.217.280
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.018.417.288	166.012.780.837
4. Giá vốn hàng bán	13.4	95.000.408.808	127.803.646.291
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.018.008.480	38.209.134.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.2	483.300.307	1.689.654.144
7. Chi phí tài chính	13.5	16.265.515.621	17.572.397.898
+ Trong đó: chi phí lãi vay		15.036.899.301	12.377.240.809
8. Chi phí bán hàng	13.6	9.813.754.196	11.860.700.693
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.7	5.957.275.157	6.545.324.192
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.464.763.813	3.920.365.907
11. Thu nhập khác	13.3	74.600.119	138.574.338
12. Chi phí khác	13.8	791.485.003	1.246.660.807
13. Lợi nhuận khác		(716.884.884)	(1.108.086.469)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.747.878.929	2.812.279.438
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.	310.176.006	258.794.092
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.437.702.923	2.553.485.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	15.	288	511


Lập, Ngày 11 tháng 9 năm 2012

Người lập biểu



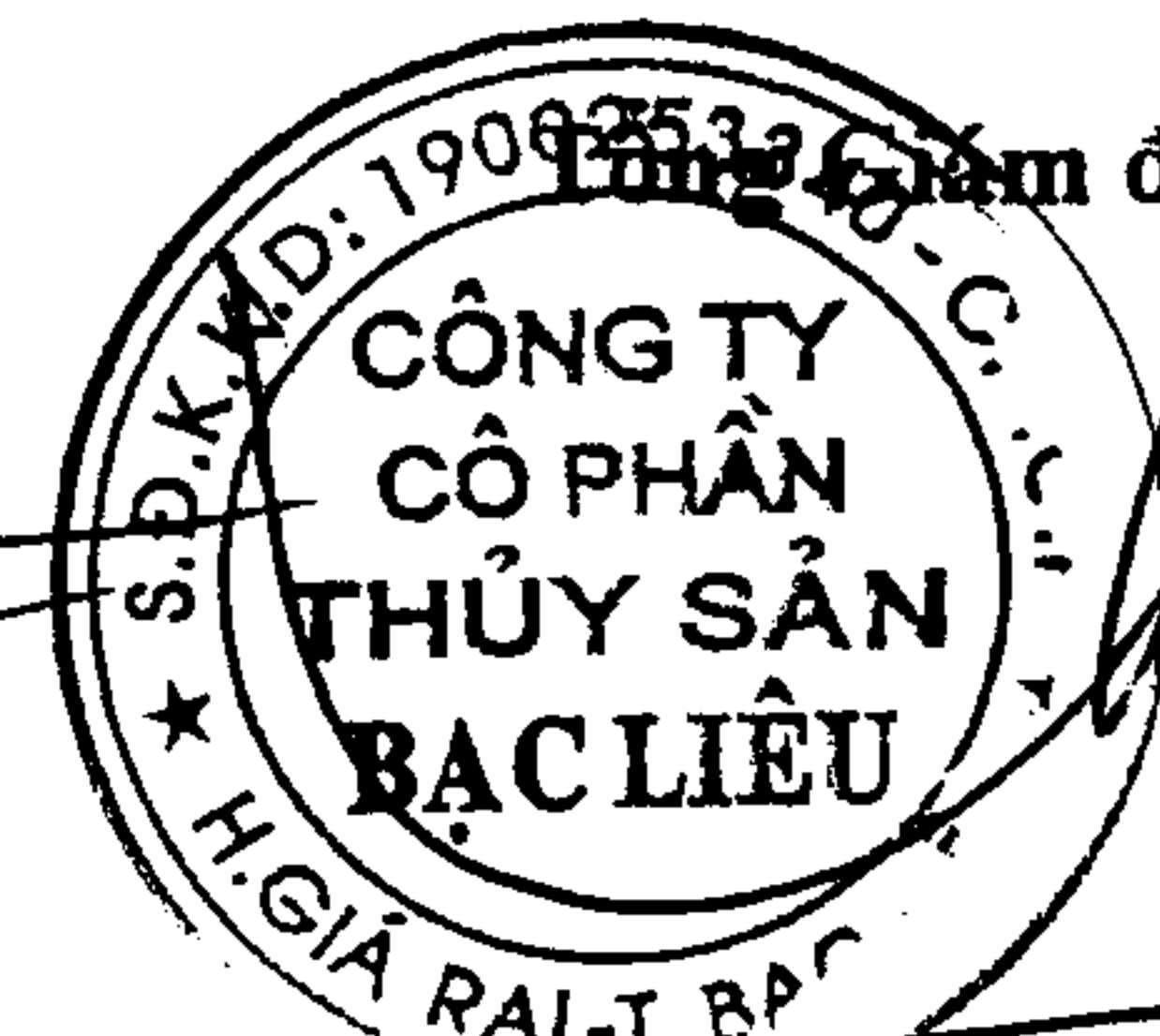
Nguyễn Thanh Long

Kế Toán Trưởng



- Trần Chí Nam

Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	134.161.512.817	160.264.859.035
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(115.583.398.541)	(349.988.648.880)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(34.568.850.826)	(17.036.501.431)
4. Tiền chi trả lãi vay	(15.036.899.301)	(12.376.437.392)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	416.870.261.280	315.403.080.123
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(378.893.726.830)	(139.263.391.366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6.948.898.599	(42.997.039.911)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(70.640.285)	(191.876.831)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	696.310.375	534.204.046
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(20.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	72.587.737	549.921.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	678.257.827	8.892.249.075
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	414.196.879.579	516.182.836.574
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(439.156.669.381)	(488.283.036.312)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(24.959.789.802)	27.899.800.262
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(17.332.633.376)	(6.204.990.574)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	18.617.172.484	10.077.981.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5.294.547	378.264.708
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.289.833.655	4.251.255.136

Lập, Ngày 11 tháng 9 năm 2012

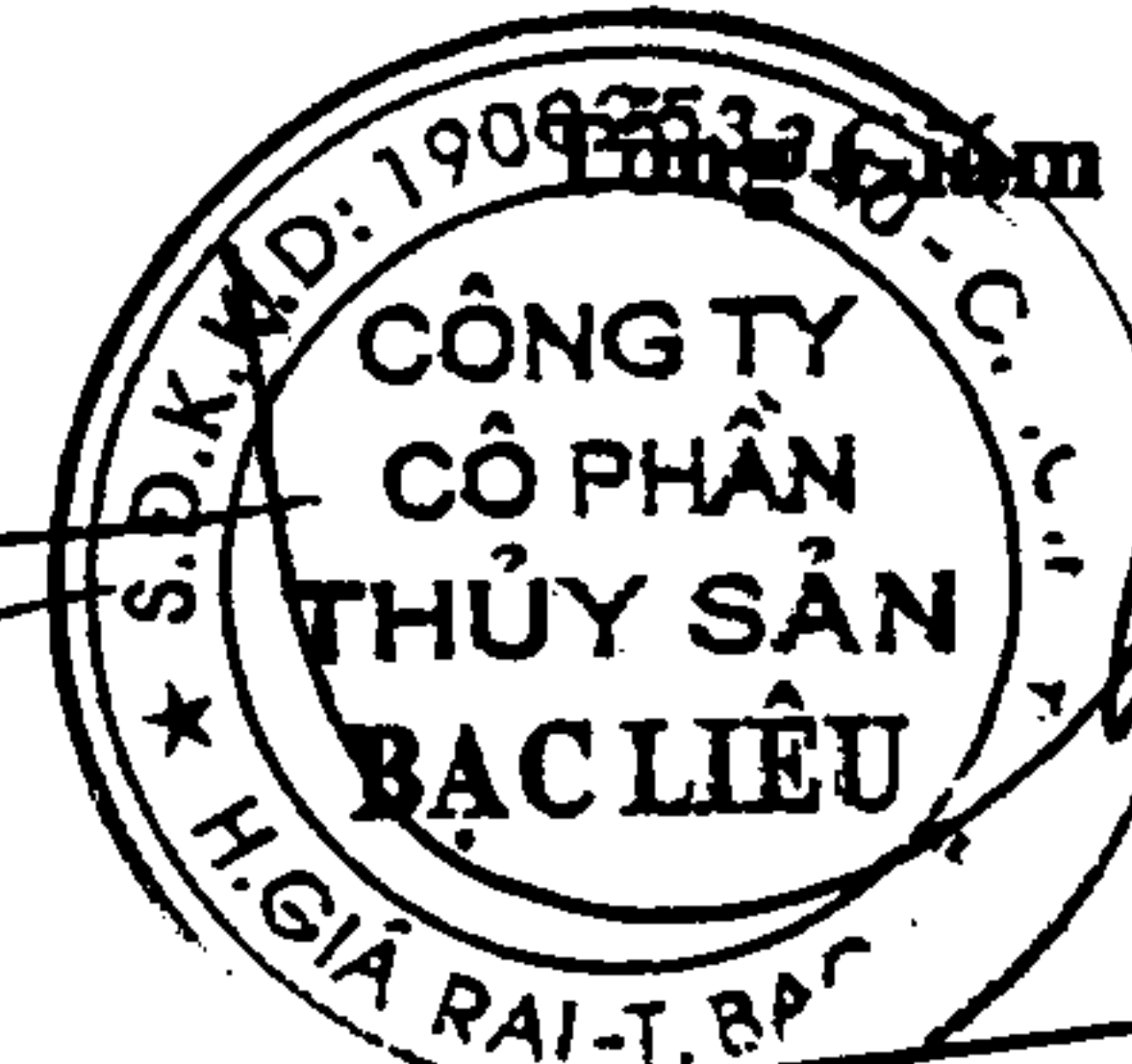
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Long
Nguyễn Thanh Long

Kê Toán Trưởng

Trần Chí Nam
Trần Chí Nam

Người kiểm soát



Nguyễn Thanh Đạm
Nguyễn Thanh Đạm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2006089.
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
H VỤ TƯ VẤN
HÍNH KẾ TỐ
KIỂM TOÁN
PHIÊN NAM
TP. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm
- Tài sản cố định vô hình : Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Khánh Hòa là tiền thuê đất được trả một lần cho nhiều năm thuê và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	15 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bỏ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

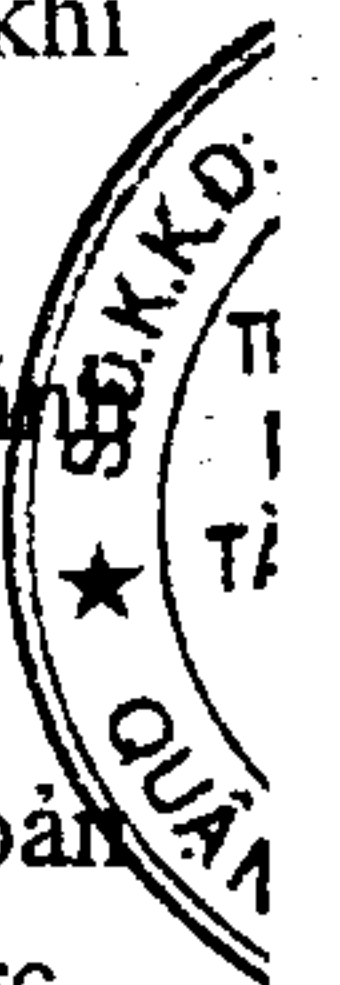
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Chi nhánh tại Khánh Hòa thực hiện kê khai và quyết toán riêng tại địa phương. Đồng thời, Chi nhánh được hưởng ưu đãi về thuế (*miễn thuế 01 năm từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% thuế phải nộp trong 04 năm*) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp dưới hình thức đầu tư mở rộng quy mô. Năm 2008 là năm đầu tiên Chi nhánh được miễn thuế và năm 2009 là năm đầu tiên Chi nhánh được giảm thuế.

205068
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
CH VỤ TƯ
CHÍNH KẾ
KIỂM TC
HIA NA
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	01/01/2012
Tiền mặt	513.844.107	11.326.858.694
Tiền gửi ngân hàng	775.989.548	7.290.313.790
<i>Tiền gửi VND</i>	211.197.386	6.709.398.682
<i>Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ</i>	564.792.162	580.915.108
Tổng cộng	1.289.833.655	18.617.172.484

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư khác	130.177.296	110.177.296
Tổng cộng	3.130.177.296	3.110.177.296

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
Phải thu về cổ phần hóa		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Phải thu người lao động		
Phải thu khác	3.690.519.843	5.421.926.921
- <i>Phí bồi thường hợp đồng Lex-Bibox</i>	2.122.125.000	2.122.125.000
- <i>Thạch Trường Sơn - Ứng tiền mua nông sản</i>	500.000.000	500.000.000
- <i>Ông Tô Huy Phong - lãi cho vay</i>		2.250.459.243
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	1.068.394.843	549.342.678
Tổng cộng	3.690.519.843	5.421.926.921



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

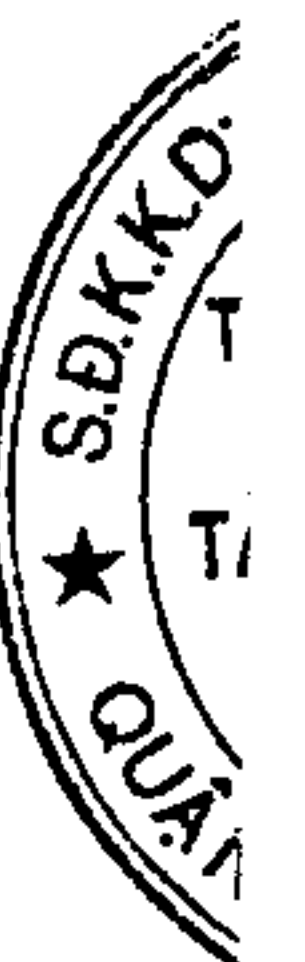
06 tháng đầu năm 2012

4. Hàng tồn kho

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	7.678.901.357	5.464.031.056
- Công cụ, dụng cụ	170.003.417	266.312.916
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.180.052.326	1.180.052.326
- Thành phẩm	230.745.318.525	208.244.056.435
- Hàng hoá	234.560.909	234.560.909
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>240.008.836.534</u>	<u>215.389.013.642</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.958.910.392	2.182.215.537
- Thuế GTGT được khấu trừ	13.220.835.531	11.265.289.423
- Các khoản khác phải thu Nhà nước:		369.841.898
+ Thuế TNCN nộp thừa		
+ Thuế TNDN nộp thừa		310.206.529
+ Thuế xuất, nhập khẩu		
+ Tiền sử dụng đất		
+ Các loại thuế khác		59.635.369
- Tài sản ngắn hạn khác	1.632.780.372	5.378.448.395
+ Tạm ứng	1.515.763.497	5.261.431.520
+ Ký cược ký quỹ ngắn hạn		
+ Tài sản thiếu chờ xử lý	117.016.875	117.016.875
Tổng cộng	<u>16.812.526.295</u>	<u>19.195.795.253</u>



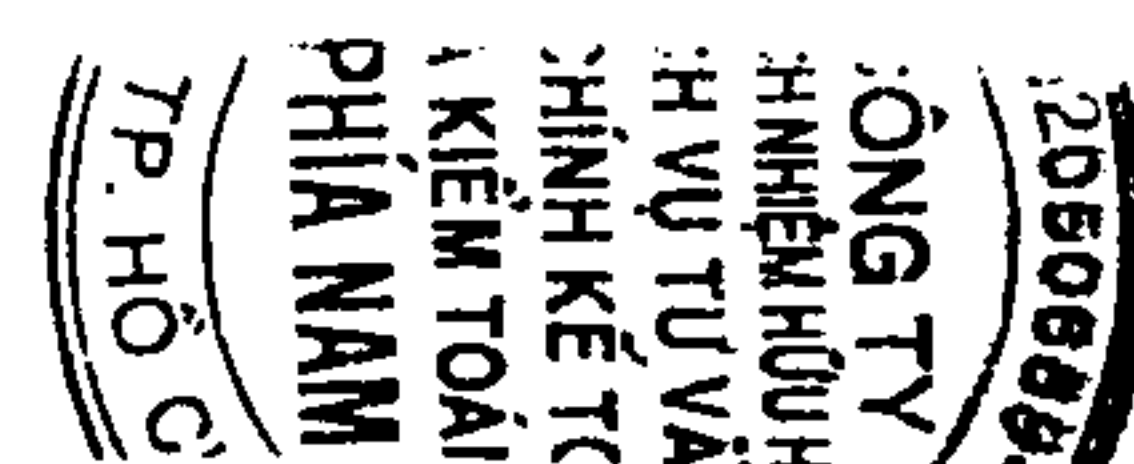
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
06 tháng đầu năm 2012

6. Tăng, giảm tài sản cố định, XDCB dở dang

6.1 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	57.511.639.512	99.791.965.333	13.258.957.955	2.738.600.315		173.301.163.115
2. Số tăng trong năm	1.650.037.836	1.658.879.950		55.568.182		3.364.485.968
- Mua sắm mới		1.658.879.950		55.568.182		1.714.448.132
- XDCB hoàn thành	1.650.037.836					1.650.037.836
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý; nhượng bán						
- Chuyển sang CCDC						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	59.161.677.348	101.450.845.283	13.258.957.955	2.794.168.497		176.665.649.083
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	10.106.771.890	40.920.561.732	5.064.593.882	1.346.325.666		57.438.253.175
2. Khấu hao trong năm	1.740.011.862	5.629.488.504	682.274.987	185.459.573		8.237.234.926
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang CCDC						
- Thanh lý nhượng bán						
- Giảm khác (điều chuyển)						
4. Số dư cuối năm	11.846.783.752	46.550.050.236	5.746.868.869	1.531.785.239		65.675.488.096
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1. Tại ngày đầu năm	47.404.867.622	58.871.403.601	8.194.364.073	1.392.274.649		115.862.909.940
2. Tại ngày cuối năm	47.314.893.596	54.900.795.047	7.512.089.086	1.262.383.258		110.990.160.987



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

6. Tăng, giảm tài sản cố định, XDCB dở dang

6.2 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	5.197.775.937	3.200.000.000	45.395.278		8.443.171.217
2. Số tăng trong năm					
- Mua sắm mới					
- Tặng khác					
3. Số giảm trong năm					
4. Số dư cuối năm	5.197.775.937	3.200.000.000	45.395.278		8.443.171.217
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	389.755.947	679.999.999	20.556.170		1.090.312.121
2. Khấu hao trong năm	66.011.291	80.000.000	2.269.764		148.281.055
3. Giảm trong kỳ					
4. Số dư cuối năm	455.767.238	759.999.999	22.825.934		1.238.593.181
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	4.808.019.990	2.520.000.001	24.839.108		7.352.859.096
2. Tại ngày cuối năm	4.742.008.699	2.440.000.001	22.569.344		7.204.578.036

6.3 Chi phí XDCB dở dang

Chi phí mua sắm TSCĐ

Chi phí XDCB dở dang

Chi phí sửa chữa TSCĐ

Tổng cộng

30/6/2012

01/01/2012

4.130.021.381

797.134.768

324.695.395

1.716.628.595

328.938.000

328.938.000

4.783.654.776

2.842.701.363



